TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 22 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Tiến Th** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện M, TP Hà Nội

Bị đơn: Chị **Nông Thị L** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Tiến Th** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện M, TP Hà Nội

Bị đơn: Chị **Nông Thị L** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tiến Th và chị Nông Thị L nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần Tiến Th và chị Nông Thị L thỏa thuận, thống nhất giao con chung là Trần Khánh Ng, sinh ngày 04/8/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị L không yêu cầu anh Trần Tiến Th cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Tiến Th có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh Trần Tiến Th và chị Nông Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về khoản vay, nợ chung: Anh Trần Tiến Th và chị Nông Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5. Về án phí: Anh Trần Tiến Th phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng), chị Nông Thị L phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Tiến Th tự nguyện chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của chị Nông Thị L, do vậy anh Trần Tiến Th phải chịu toàn bộ 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05916 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn. Anh Th được trả lại 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã B, H. M, TP Hà Nội;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hiến Công Hanh